



T O À N C Â U H O Á

Kiểu hình tăng trưởng nào cho Việt Nam?

NGUYỄN TRỌNG HOÀI

Điều cơ bản là chính phủ chỉ nên xuất hiện ở những chỗ mà thị trường thất bại, và can thiệp hiệu quả những thất bại đó để phối hợp với thị trường đưa nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao.

VN đang ở chặng cuối của đích đến WTO với các vòng đàm phán cuối cùng với thành tích tốc độ tăng trưởng khả quan trong năm 2005. Tuy vậy, vẫn còn nhiều dấu hiệu bất lợi cho chất lượng tăng trưởng như quản lý các nguồn vốn ODA theo kiểu rò rỉ và thiếu minh bạch, tốc độ cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước chậm chạp và đặc biệt càng chậm chạp trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính, chưa kể các trở ngại do các cú sốc giá dầu, cúm gia cầm, khu vực bất động sản đóng băng các giao dịch kèm theo sự bất ổn giá vàng... Theo Ủy ban

kinh tế và xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương điều tra và công bố vào 2006 cho rằng tốc độ tăng trưởng dự báo của VN có thể chậm lại vì các trục trặc đại loại như vậy. Những trục trặc này sẽ làm cho các kỳ vọng do chính chúng ta đặt ra, ví dụ đến 2020 cơ bản hoàn thành xong quá trình công nghiệp hoá và nền kinh tế dựa vào tri thức là rất lạc quan. Với thành công thần kỳ về tăng trưởng của các nước Đông Á trong giai đoạn 1960-2000 trong quá trình tăng trưởng và giảm nghèo, hoặc một ví dụ Singapore chỉ cách 2 giờ bay nhưng VN lại phải cần 200 năm mới có khả năng đạt được thu nhập ngang bằng. Những thông tin trong bối cảnh toàn cầu hoá như vậy đã và đang đặt chúng ta, đặc biệt là Chính phủ một trách nhiệm lớn lao là tìm ra một kiểu hình tăng trưởng hợp lý cho VN trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Kiểm chứng các lý thuyết tăng trưởng kinh tế với thực tế VN

Các lý thuyết tăng trưởng tân cổ

điển, chuyển đổi cơ cấu, tăng trưởng tuyến tính, và mô hình đàn sếu bay xem ra không còn là những kiểu hình tốt nhất cho VN trong bối cảnh toàn cầu hoá. Tăng trưởng tân cổ điển thì chủ yếu dựa vào lao động và vốn đầu tư, nói khác đi cứ có nhiều vốn và lao động thì chẳng mấy chốc VN sẽ đạt được trình độ toàn dụng và đạt được mức thu nhập cao theo tiềm năng hiện hữu của nền kinh tế. Cho dù giả định rằng chúng ta có tiềm năng lao động rẻ nhưng chất lượng lao động trình độ cao lại thiếu trầm trọng và lao động được đào tạo vốn dĩ chiếm tỉ trọng thấp chỉ khoảng xấp xỉ 20%, hơn thế nữa hệ thống đào tạo của chúng ta còn quá nhiều tranh luận vì sự bất cập của nó. Cho dù nguồn vốn của chúng ta rất dồi dào từ các nguồn tiết kiệm trong nước và nước ngoài nhưng quá trình sử dụng vốn của VN còn nhiều vấn đề như chiến lược sử dụng, rò rỉ do tham nhũng, thiếu tập trung, và vì vậy các nguồn vốn này mặc dù đã và đang tăng lên, nhưng hiệu quả tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế

thấp hơn so với kỳ vọng.

Tăng trưởng theo kiểu hình chuyển đổi cơ cấu của Chenery thì cho rằng cần thiết phải nỗ lực chuyển đổi nền kinh tế từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ năng suất cao hơn nhằm đạt được một tốc độ tăng trưởng nhanh. VN đã có những dấu hiệu giảm nghèo tốt ở khu vực nông thôn, các công trình phúc lợi của khu vực này cũng được chính phủ đầu tư tốt kèm theo với các mô hình nhà nước và nhân dân cùng làm. Ngoài ra chúng ta còn làm rất tốt các dịch vụ khuyến nông, hỗ trợ tín dụng, chuyển giao công nghệ như giống và kỹ thuật canh tác hiện đại. Về cơ bản, khu vực nông nghiệp của chúng ta đã và đang hoàn thành cơ bản nhiệm vụ của quá trình chuyển đổi cơ cấu là tạo ra tích lũy ban đầu từ xuất khẩu, dồi dư lao động chuyển sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, và đảm bảo an toàn lương thực cho cả quốc gia. Tuy nhiên, nếu đi vào bản chất của chuyển đổi cơ cấu thì xem ra các nỗ lực mà chúng ta đã và đang đóng góp cho quá trình chuyển đổi cơ cấu là chưa đủ. Chúng ta vẫn đã và đang lay hoay trong quá trình chuyển đổi cơ cấu nếu xét về khía cạnh chất lượng. Nếu theo số liệu hiện có thì tốc độ chuyển đổi cơ cấu của VN trong những năm gần đây khá chậm và thậm chí có thể nói là dậm chân tại chỗ. Trung bình mỗi năm chỉ giảm 1 % cơ cấu nông nghiệp trong GDP, theo kinh nghiệm của Thái Lan thì để giảm tỉ trọng nông nghiệp từ 20 xuống còn 10% thì phải mất khoảng 20 năm.

Điều gì hạn chế tốc độ chuyển đổi cơ cấu, mấu chốt nhất là phải thay đổi cơ bản năng suất lao động trong khu vực này. Xét theo khía cạnh đóng góp vào GDP thì năng suất khu vực nông nghiệp về trung bình chỉ bằng 1/8 khu vực công nghiệp và dịch vụ. Các sản phẩm xuất vẫn chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp sơ chế. Xét về mặt lượng thì chúng ta có thể tự hào là VN đứng hàng thứ hai về xuất khẩu gạo trên thế giới, nhưng xét về mặt giá trị gia tăng thì mỗi tấn gạo nông dân vất vả một nắng hai sương để tạo ra lại chưa sánh bằng giá một con chip điện tử nhỏ bé nhẹ nhàng. Chuyển dịch lao động của khu vực sang khu vực công nghiệp và dịch vụ một phần cơ bản xuất phát từ phía cầu thị trường lao động, một

phần còn lại là do thu nhập từ khu vực nông nghiệp quá thấp, từ thu nhập thấp như vậy đã tạo ra một xu hướng "ly nông" và thậm chí "ly hương" của các lao động trong khu vực này. Điều này lại càng làm cho việc thay đổi cơ bản năng suất lao động trong khu vực nông nghiệp bị giới hạn. Các lao động kỹ năng có gốc từ các địa phương nông nghiệp lại không trở lại phục vụ cho khu vực này, mặt khác các chính sách chiêu hiền đãi sĩ kêu gọi nhân tài phục vụ cho các địa phương nông nghiệp cũng bị hạn chế cả từ phía cung và cầu của thị trường lao động. Như vậy, mô hình chuyển đổi cơ cấu theo kiểu Chenery hình như còn thiếu vắng một yếu tố quan trọng nào đó mà bản thân mô hình chưa tính đến.

Lý thuyết tăng trưởng tuyến tính của Rostow, hoặc mô hình đàn sếu bay của Nhật Bản xem ra khó có thể vận dụng hiệu quả cho VN trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá. Thậm chí các lý thuyết này khó có thể là một kiểu hình mẫu cho VN theo đuổi khi có quá nhiều quốc gia đang chiếm lĩnh thị trường toàn cầu và khả năng cạnh tranh ngoại thương rất mạnh. Xét VN trong mô hình tăng trưởng Rostow thì nhiều nhà kinh tế đồng tình là đang ở giai đoạn cất cánh. Trung bình các nước Anh, Mỹ, Pháp, Nhật hoàn tất giai đoạn này trong vòng 20 năm, đó cũng là một trong những cơ sở trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội mà VN đề ra là đến 2020 cơ bản hoàn thành xong quá trình công nghiệp hoá. Kỳ vọng này tỏ ra khá lạc quan khi mà các dấu hiệu không sáng sủa về khả năng cạnh tranh của khu vực công nghiệp chế tạo, cơ sở hạ tầng cứng như điện, nước, viễn thông còn nhiều vấn đề trục trặc, khu vực nông nghiệp năng suất thấp như đã trình bày ở trên. Ngoài ra các cơ sở hạ tầng mềm nhằm tạo ra các định chế thị trường như thị trường khoa học công nghệ, thị trường vốn, khu vực tài chính còn biểu lộ nhiều yếu kém. Mô hình đàn sếu bay xem ra càng khó áp dụng hơn bởi hai giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất là các con sếu đi trước như Hàn Quốc, Đài Loan chưa có dấu hiệu từ bỏ các ngành công nghiệp mà VN đang lao vào như đóng tàu, điện tử, xe hơi... Giả thuyết thứ hai là nếu cứ chờ cho các con sếu đi trước từ bỏ các ngành công nghiệp mà thực sự họ không còn muốn theo đuổi nữa thì VN sẽ mãi mãi là người đi

sau đích tăng trưởng toàn cầu. Nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư với kỳ vọng thu hút vốn đầu tư nhiều hơn nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn, và cuối cùng là để có nhiều năng lượng của phân lực nhằm đạt được tốc độ nhanh hơn trong đàn sếu là thứ VN đang có quá nhiều nỗ lực. Tuy nhiên nỗ lực này cần phải so sánh với với cả đàn sếu đang bay trong bầu trời toàn cầu hoá, nói cách khác đừng nên bao giờ tự khoe các nỗ lực của chính mình tạo ra với chính bản thân mình.

Toàn cầu hoá không phải là một lựa chọn chính sách

Nếu xét theo toàn cầu hoá là sự gia tăng các dòng chảy vốn, con người, dịch vụ, thông tin và văn hoá xuyên biên giới giữa các quốc gia thì thế giới đã trải qua ba trào lưu toàn cầu hoá. Trào lưu thứ nhất, giai đoạn 1492-1760, được thể hiện bằng sự chinh phạt và manh nha của chủ nghĩa thực dân, trào lưu thứ hai trong giai đoạn 1760-1914 với sự thành công của cách mạng công nghiệp làm thay đổi cơ bản năng suất lao động của nhiều quốc gia trên thế giới, và trào lưu thứ ba khởi đầu từ những năm 1980 cho đến hiện nay với sự thành công và ứng dụng rộng rãi của công nghệ sinh học, điện tử, Internet (Tự Anh 2006). Nếu trào lưu toàn cầu hoá thứ nhất mang nặng tính lịch sử và chính trị thì trào lưu toàn cầu hoá thứ hai và thứ ba với sự thay đổi cơ bản về năng suất lao động và gia tăng các dòng chảy yếu tố sản xuất và văn hoá có ý nghĩa rất lớn đến tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế của nhiều quốc gia. Trào lưu toàn cầu hoá thứ hai, nhiều nước đã tận dụng cơ hội của nó khi theo chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu mà các con hổ Đông Á là những điển hình thành công vượt bậc với xuất phát điểm thu nhập bình quân đầu người rất thấp. Vào những thời điểm những năm 1960 thì Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc và VN không có sự khác biệt nhiều về thu nhập bình quân đầu người, nhưng cho đến nay VN và những nước này đã có khoảng cách đáng kể và họ lại là những nước đi trước. Có thể nói rằng, khi mà chúng ta đang thảo luận rất sôi nổi về toàn cầu hoá, nhưng có vẻ như điều này hơi muộn với con tàu toàn cầu hoá của thế giới, và thực sự là VN là một quốc gia điển hình

đã quay lưng lại với trào lưu toàn cầu hoá thứ hai do đã theo đuổi một nền kinh tế phong kiến hướng nội của giai đoạn mà trào lưu toàn cầu hoá thứ hai đã diễn ra.

Không có gì nghi ngờ, VN tích cực chủ động tận dụng các cơ hội đối với trào lưu toàn cầu hoá thứ ba. Tuy nhiên chúng ta cũng cần khẳng định rằng: tiếp cận trào lưu toàn cầu hoá là một tiếp cận hai mặt lợi ích và chi phí và bản thân nó không phải là một giải pháp chính sách cho toàn bộ chủ đề tăng trưởng. Điều này là bởi lẽ cho đến nay mối quan hệ toàn cầu hoá và quá trình tăng trưởng của nhiều quốc gia vẫn còn rất ít thông tin và bằng chứng thực nghiệm để các nhà kinh tế có thể tổng kết thành mô thức tăng trưởng lý thuyết. Chúng ta có thể viện dẫn hai quan điểm hoàn toàn đối lập nhau: "... làn sóng toàn cầu hoá gần đây nhất bắt đầu vào khoảng 1980 đã có sức giảm nghèo và bất bình đẳng mạnh mẽ." (David Dollar, Ngân hàng Thế giới), nhưng bản thân toàn cầu hoá cũng tạo ra những "thách thức cơ bản do sự gia tăng tằm với của các thị trường toàn cầu", và "rõ ràng đang tạo ra sự phân công hoá, khiến cho bất bình đẳng ở các nước đang phát triển không những không giảm đi mà còn gia tăng thêm." (Bancy Birdsall, Trung tâm phát triển toàn cầu). Cụ thể hơn, bên cạnh các con hổ Đông Á đã thành công theo chiến lược hướng về xuất khẩu trong trào lưu toàn cầu hoá thứ hai, thì Ấn Độ và Trung Quốc khi thực hiện tự do hoá thương mại, một dấu hiệu cơ bản của quá trình hội nhập vào thị trường quốc tế trong trào lưu toàn cầu hoá thứ ba lại có nguy cơ gia tăng bất bình đẳng giữa các vùng trong nền kinh tế, và bất bình đẳng không thể là một dấu hiệu tốt nếu xét về chất lượng của quá trình tăng trưởng. Điều có thể sơ kết ở đây là toàn cầu hoá chỉ là cơ hội chứ không thể là giải pháp cho bài toán tăng trưởng.

Kiểu hình tăng trưởng kinh tế nào là phù hợp?

Ngoài các mô hình tăng trưởng tân cổ điển và tăng trưởng tuyến tính đã phân tích, kiểu hình tăng trưởng trong bối cảnh toàn cầu hoá quả là có nhiều điều chưa thống nhất. Toàn cầu hoá, thứ mà VN đã và đang cần phải đạt được với nhiều nỗ lực gia nhập WTO, lại không phải là giải pháp cơ bản để giải quyết bài

toán tăng trưởng nhanh. Chúng ta cũng thừa nhận rằng việc chậm chân gia nhập WTO là bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt để tận dụng các ưu thế về vốn, công nghệ, di chuyển lao động... Xét theo khía cạnh này thì bối cảnh toàn cầu hoá sẽ có vẻ thích hợp hơn với mô hình tăng trưởng nội sinh, vì mô hình này chú trọng đến yếu tố như lao động kỹ năng, công nghệ, nghiên cứu và phát triển, và kinh tế tri thức. Và như vậy, VN có cơ hội đi tắt đón đầu nếu đủ sức thu hút và sử dụng hiệu quả các dòng chảy từ cơ hội toàn cầu hoá. Tuy vậy, để hấp thu vốn hiệu quả, hoặc để tạo điều kiện phát triển công nghệ cũng như nghiên cứu và phát triển lại đòi hỏi một chính phủ mạnh mẽ và minh bạch. Đó là chưa kể bối cảnh toàn cầu hoá đòi hỏi VN phải nhìn nhận môi trường toàn cầu hiện nay cũng còn những dấu hiệu có khả năng gây sốc cho nền kinh tế mở qui mô nhỏ như VN. Những dấu hiệu đó là: thị trường thế giới không ổn định, sự thiếu hụt triền miên về năng lượng, chiến tranh và khủng bố vẫn còn lảng vảng đâu đó, sự bất ổn chính trị và chiến tranh sắc tộc ở nhiều quốc gia, sự phân biệt đối xử của các nước giàu đối với nước nghèo, sự bất bình đẳng về thu nhập và phân chia thị trường giữa các nước...

Vai trò của chính phủ được thể hiện thành công ở nhiều quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. VN trong chừng mực nào đó cũng được nhiều tổ chức đa phương đánh giá cao về vai trò chính phủ trong quá trình ổn định chính trị và ổn định nền kinh tế theo tầm vĩ mô. Nhưng nếu ổn định nhưng mức thu nhập bình quân đầu người vẫn còn thấp hơn nhiều quốc gia thì vai trò chính phủ của chúng ta cần phải có nhiều nỗ lực hơn nữa từ phía lựa chọn chiến lược và chính sách. Điều cơ bản là chính phủ chỉ nên xuất hiện ở những chỗ mà thị trường thất bại, và can thiệp hiệu quả những thất bại đó để phối hợp với thị trường đưa nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao. Nếu xét theo khía cạnh này thì lý thuyết tăng trưởng nội sinh vẫn còn khiếm khuyết, đặc biệt các lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển, tăng trưởng tuyến tính lại càng quên đi bàn tay hữu hình của chính phủ. Nếu đề cao vai trò chính phủ theo kiểu như vậy thì có nghĩa là chúng ta đã ủng hộ lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển mới, và như vậy cũng có thể tạm đưa ra kết

luận rằng toàn cầu hoá là kỳ vọng của mọi người về các dòng chảy không biên giới của các yếu tố sản xuất, nhưng điều đó không phải là tất cả, phần còn lại nhưng rất quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hoá lại là việc chính phủ tạo dựng các chính sách cần thiết và thích nghi, đạt được các tổ chức chính phủ mạnh mẽ hoạt động theo một cơ chế minh bạch, từ đó mới tạo niềm tin cho mọi người cùng tham gia đầu tư đóng góp vào quá trình tăng trưởng chung (Horst Kohler 2003).

Thay cho lời kết

Ba gợi ý có thể được nêu ra trong khuôn khổ bài báo này sau khi kiểm chứng các kiểu hình tăng trưởng của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá. Thứ nhất, không có một kiểu hình tăng trưởng lý thuyết nào mà VN có thể áp dụng rập khuôn. Mỗi kiểu hình tăng trưởng lý thuyết đều có những điểm mạnh và điểm yếu riêng, các kiểu hình tăng trưởng này thường là được bổ sung từ thực tiễn tăng trưởng của nhiều quốc gia trên thế giới. Thứ hai, toàn cầu hoá chỉ là những cơ hội và kèm theo những cơ hội là các thách thức rất lớn từ môi trường quốc tế, toàn cầu hoá không phải là giải pháp chính sách cho bài toán tăng trưởng, mà lựa chọn chính sách cho quá trình tăng trưởng lại là do người dân, và đại diện cho họ là chính phủ. Thứ ba, kiểu hình tăng trưởng cho VN trong bối cảnh toàn cầu hoá ngoài việc kiểu hình đó phải bao hàm các yếu tố sản xuất truyền thống như vốn, lao động, công nghệ thì còn phải bao hàm một yếu tố then chốt đó là sự can thiệp hiệu quả của chính phủ đối với những thất bại của thị trường và từ đó có thể tạo điều kiện cho mọi thành phần trong nền kinh tế tham gia đóng góp vào quá trình tăng trưởng theo cơ chế thị trường. Để làm được điều này, thì chúng ta luôn kỳ vọng một chính phủ mạnh, minh bạch, đủ sức khắc phục các thách thức và tận dụng các cơ hội toàn cầu hoá nhằm tăng tốc đẩy mạnh tăng trưởng bền vững ■

Tài liệu tham khảo:

1. Tự Anh, V. T, Tản mạn toàn cầu hoá, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, 3-2006.
2. Pincus, Jonathan, Toàn cầu hoá: nghèo đói và bất bình đẳng, báo cáo chuyên gia kinh tế cao cấp quốc gia, UNDP, VN, 3.2006.